

Court of Washington Tòa Tiểu Bang Washington		No. Số. Petition for Order for Protection (PTORPRT) Đơn Xin Án Lệnh Bảo Vệ (PTORPRT)
For Cho		
_____ Petitioner Đương Đơn vs. với _____ Respondent Bị Đơn		

1. ☐ I am a victim of domestic violence committed by the respondent.

1. ☐ Tôi là nạn nhân của vụ bạo hành gia đình gây ra bởi bị đơn.

☐ A member of my family or household is a victim of domestic violence committed by the respondent.

☐ Một thành viên gia đình hay hộ khẩu của tôi là nạn nhân của vụ bạo hành gia đình gây ra bởi bị đơn.

☐ I am a ☐ guardian ☐ guardian ad litem ☐ next friend of a minor who is 13 to 15 years of age and is a victim of domestic violence in a dating relationship with a person age 16 or older. The name of the minor victim is _____.

This person's identifying information is provided in paragraph 5 below.

☐ Tôi là một ☐ giám hộ ☐ một giám hộ chuyên nghiệp ☐ một người bạn của trẻ vị thành niên tuổi từ 13 tới 15 và là nạn nhân của vụ bạo hành gia đình trong sự liên hệ bồ bịch với một người 16 tuổi hay lớn hơn. Tên của nạn nhân vị thành niên là _____.

Thông tin về danh tánh của người này được ghi ở đoạn 5 dưới đây.

2. ☐ The victim lives in this county.
 2. ☐ Tôi sống ở quận này.
☐ The victim left their residence because of abuse and this is the county of their new or former residence.
☐ Tôi bỏ nhà của tôi ra đi vì sự bạo hành và đây là quận của nơi cư ngụ mới hay của nơi cư ngụ cũ của tôi.

3. The victim's age is: Respondent's age is:
 3. (Tuổi của tôi là: Tuổi của bị đơn là:
☐ Under 16 ☐ 16 or 17 ☐ 18 or over ☐ Under 16 ☐ 16 or 17 ☐ 18 or over
☐ Dưới 16 ☐ 16 hay 17 ☐ 18 hay lớn hơn ☐ Dưới 16 ☐ 16 hay 17 ☐ 18 hay lớn hơn

4. The victim and the respondent are:
 4. Sự liên hệ của nạn nhân với bị đơn là:
☐ Intimate Partners because they are:
☐ Những người sống chung có liên hệ tình cảm vì họ là:
☐ current or former spouses or domestic partners ☐ parents of a child-in-common
☐ age 16 or older and are/were in a dating relationship, and are currently residing together or resided together in the past ☐ age 16 or older and are/were in a dating relationship, but have *never* resided together.
☐ phối ngẫu hoặc người sống chung hiện thời hay trước đây ☐ cha mẹ của một đứa con chung ☐ bằng hoặc lớn hơn 16 tuổi và đã/đang trong mối liên hệ cặp bồ, và đang sống chung hoặc đã từng sống chung trong quá khứ ☐ bằng hoặc lớn hơn 16 tuổi và đã/đang trong mối liên hệ cặp bồ, nhưng *chưa từng* sống chung.
☐ Family or household members because they are:
☐ Gia đình hoặc người trong nhà vì họ là:
☐ current or former adult cohabitants as roommates ☐ adult in-laws ☐ adults related by blood ☐ parent and child ☐ stepparent and stepchild ☐ grandparent and grandchild.
☐ người sống chung hiện thời hoặc trước đây như bạn đồng phòng ☐ họ hàng bên vợ hoặc chồng ☐ liên hệ máu mủ ngoài ☐ cha mẹ và con cái ☐ cha mẹ ghẻ hoặc con ghẻ ☐ ông bà và con cháu.

5. Identification of Minors (if applicable) ☐ No Minors involved.

5. Danh tánh của trẻ vị thành niên (nếu thích hợp) ☐ Không liên quan đến trẻ vị thành niên nào.

Name (First, Middle Initial, Last) Tên (Tên, Tên Đệm, Họ)	Age Tuổi	Race Chủng Tộc	Sex Giới tính	How Related to Liên hệ thế nào với Petitioner Respondent Đương Đơn Bị Đơn	Resides with Sống Với

6. Other court cases or other restraining, protection or no-contact orders involving me, the minors and the respondent:

6. Các vụ kiện khác hay các lệnh ngăn cấm, lệnh bảo vệ hay lệnh cấm liên lạc khác liên quan đến tôi, những trẻ vị thành niên và bị đơn:

Case Name Tên Vụ Kiện			
Case Number Số Vụ Kiện			
Court/County Tòa án/Quận hạt			

I Request an Order for Protection following a hearing that will:

Tôi xin Án Lệnh Bảo Vệ sau khi thỉnh cầu và xin tòa:

¹ ☐ **Restrain** respondent from causing any physical harm, bodily injury, assault, including sexual assault, and from molesting, harassing, threatening, or stalking ☐ me ☐ the minors named in paragraph 5 above ☐ these minors only:

¹ ☐ **Ngăn Cấm** bị đơn không được ám hại thể chất, gây ra thương tích thân thể, hành hung, kẻ cả hành hung tình dục, và không được xúc phạm tình dục, sách nhiễu, hăm dọa, hay rình rập ☐ tôi ☐ những trẻ được nêu tên trong đoạn 5 ở trên ☐ chỉ những trẻ này mà thôi:

(If the court orders this relief, and you and the respondent are current or former spouses or domestic partners, parents of a child-in-common, age 16 or older and are/were in a dating relationship, and are currently residing together or resided together in the past, age 16 or older and are/were in a dating relationship, but have *never* resided together, the respondent will not be able to obtain or possess a firearm, other dangerous weapon, ammunition, or concealed pistol license for the duration of the order.)

(Nếu tòa ban sự cứu giúp này, và quý vị và bị đơn là phối ngẫu hoặc người sống chung hiện thời hay trước đây, cha mẹ của một đứa con chung, bằng hoặc lớn hơn 16 tuổi và đã/đang trong mối liên hệ cặp bồ và đang sống chung hoặc đã từng sống chung trong quá khứ, bằng hoặc lớn hơn 16 tuổi và đã/đang trong mối liên hệ cặp bồ, nhưng *chưa từng* sống chung, bị đơn bị cấm không được có súng tay, vũ khí nguy hiểm khác, hay đạn dược, hoặc giấy phép cất giữ súng đạn trong thời gian lệnh này còn hiệu lực.)

² ☐ **Restrain** respondent from harassing, following, keeping under physical or electronic surveillance, cyberstalking as defined in RCW 9.61.260, and using telephonic, audiovisual, or other electronic means to monitor the actions, locations, or wire or electronic communication of ☐ me ☐ the minors named in paragraph 5 above ☐ only the minors listed below; ☐ members of the victim's household listed below ☐ the victim's adult children listed below:

² ☐ **Ngăn cấm** bị đơn không được sách nhiễu, theo dõi, rình rập dưới dạng thực thể hay bằng điện tử, trên mạng qui định bởi RCW 9.61.260, và dùng điện thoại, thính thị, hay các phương tiện điện tử nào khác để quan sát các hành động, địa điểm, đường dây liên lạc trực tiếp hay điện tử của ☐ tôi ☐ của các trẻ vị thành niên ghi ở đoạn 5 trên đây ☐ chỉ có các trẻ vị thành niên; ☐ các thành viên trong căn hộ của nạn nhân liệt kê dưới đây ☐ các người con trưởng thành của nạn nhân liệt kê dưới đây:

³ ☐ Restrain respondent from coming near and from having any contact whatsoever, in person or through others, by phone, mail, or any means, directly or indirectly, except for mailing of court documents, with ☐ me ☐ the minors named in paragraph 5 above, subject to any court-ordered visitation ☐ these minors only, subject to any court-ordered visitation: ³ ☐ Ngăn cấm bị đơn không được tới gần hay liên lạc bất cứ dưới hình thức nào, đích thân hay qua những người khác, bằng điện thoại, thư từ, hay bất cứ cách nào, trực tiếp hay gián tiếp, ngoại trừ để gửi những tài liệu tòa án, với ☐ tôi ☐ những trẻ vị thành niên được nêu tên trong đoạn 5 ở trên, ngoại trừ có lệnh tòa cho thăm viếng ☐ chỉ những trẻ vị thành niên mà thôi, ngoại trừ có lệnh tòa cho thăm viếng:
⁴ ☐ Exclude respondent from ☐ our shared residence ☐ my residence ⁴ ☐ Loại Trừ bị đơn khỏi ☐ nơi cư ngụ chung của chúng tôi ☐ nhà của tôi ☐ my workplace ☐ my school ☐ the residence, day care, or school of ☐ the minors named in paragraph 5 above ☐ these minors only: ☐ nơi làm việc của tôi ☐ trường của tôi ☐ nơi cư ngụ, nơi giữ trẻ hay trường của ☐ trẻ vị thành niên được nêu tên trong đoạn 5 ở trên ☐ những trẻ này mà thôi: ☐ other: ☐ khác: You have a right to keep your residential address confidential. Quý vị có quyền giữ kín địa chỉ chỗ ở của quý vị.
⁵ ☐ Direct respondent to vacate our shared residence and restore it to me. ⁵ ☐ Chỉ Thị bị đơn phải dọn ra khỏi nhà ở chung của chúng tôi và hoàn trả nhà cho tôi.
⁶ ☐ Prohibit respondent from knowingly coming within, or knowingly remaining within _____ (distance) of ☐ our shared residence ☐ my residence ☐ my workplace ☐ my school ☐ the day care or school of ☐ the minors named in paragraph 5 above. ☐ these minors only: ⁶ ☐ Cấm bị đơn không được cố ý đến trong vòng, hay cố ý ở lại trong vòng _____ (khoảng cách) của nhà ở chung của chúng tôi ☐ nhà của tôi ☐ nơi làm việc của tôi ☐ trường học của tôi ☐ nơi giữ trẻ hay trường học của ☐ những trẻ vị thành niên được nêu tên trong đoạn 5 ở trên. ☐ tchỉ những trẻ vị thành niên này mà thôi: ☐ other: ☐ khác:
⁷ ☐ Grant me possession of essential personal belongings, including the following: ⁷ ☐ Cho tôi được giữ những tài sản cá nhân cần thiết, kể cả những món sau đây:
⁸ ☐ Grant me use of the following vehicle: ⁸ ☐ Cho tôi được dùng chiếc xe sau đây: Year, Make & Model _____ License No. _____ Đời, Hiệu & Kiểu _____ Bảng Số xe _____

⁹ ☐ Other: ⁹ ☐ Khác:
Protection involving a minor: Xin Bảo Vệ liên quan tới một trẻ vị thành niên:
¹⁰ ☐ Subject to any court-ordered visitation, Grant me the care, custody and control of ☐ the minors named in paragraph 5 above ☐ these minors only: ¹⁰ ☐ Ngoại trừ lệnh tòa cho phép thăm viếng, Ban Cho tôi quyền chăm sóc, trông giữ và kiểm soát ☐ những trẻ vị thành niên được nêu tên trong đoạn 5 ở trên ☐ chỉ những trẻ vị thành niên này mà thôi:
¹¹ ☐ Restrain respondent from interfering with my physical or legal custody of ☐ the minors named in paragraph 5 above ☐ these minors only: ¹¹ ☐ Cấm bị đơn không được làm cản trở với sự trông giữ thể chất hay pháp lý của tôi với ☐ những trẻ vị thành niên được nêu tên trong đoạn 5 ở trên ☐ chỉ những trẻ vị thành niên này mà thôi:
¹² ☐ Restrain the respondent from removing from the state: ☐ the minors named in paragraph 5 above ☐ these minors only: ¹² ☐ Cấm bị đơn không được mang ra khỏi tiểu bang: ☐ những trẻ vị thành niên được nêu tên trong đoạn 5 ở trên ☐ chỉ những trẻ vị thành niên này mà thôi:
Additional Requests: Các Lời Yêu Cầu Bổ Túc
¹³ ☐ Direct the respondent to participate in appropriate treatment or counseling services. ☐ Chỉ Thị bị đơn phải tham gia vào điều trị và cố vấn thích hợp.
¹⁴ ☐ Require the respondent to pay the fees and costs of this action. ☐ Đòi Hỏi bị đơn trả những lệ phí và tổn phí trong vụ kiện này.
¹⁵ ☐ Remain Effective longer than one year because respondent is likely to resume acts of domestic violence against me if the order expires in a year. ☐ Có Hiệu Lực lâu hơn một năm bởi vì bị đơn rất có thể sẽ có lại những hành động bạo hành với tôi nếu lệnh này hết hạn sau một năm.
Protection involving pets. Lệnh Bảo Vệ liên quan tới gia súc nuôi làm cảnh.
¹⁶ ☐ Grant me exclusive custody and control of the following pet(s) owned, possessed, leased, kept, or held by me, respondent, or a minor child residing with either me or the respondent. (Specify name of pet and type of animal.): ¹⁶ ☐ Xin cho tôi được độc quyền trông giữ và kiểm soát các thú vật nuôi làm cảnh do tôi, bị đơn, hay trẻ vị thành niên cư ngụ với tôi hoặc bị đơn làm chủ, sở hữu, thuê mượn, nuôi giữ hay quản thủ (Ghi rõ tên và loại thú vật nuôi làm cảnh):

¹⁷ ☐ **Prohibit** respondent from interfering with my efforts to remove the pet(s) named above.

¹⁷ ☐ **Cấm chỉ** bị đơn không gây cản trở nỗ lực của tôi nhằm di chuyển các thú vật ghi tên ở trên.

¹⁸ ☐ **Prohibit** respondent from knowingly coming within, or knowingly remaining within _____ (distance) of the following locations where the pet(s) are regularly found:

¹⁸ ☐ **Cấm chỉ** bị đơn không được cố ý tới trong khoảng cách hoặc ở lại trong phạm vi _____ (khoảng cách) tại các nơi mà thường thấy các thú vật:

☐ petitioner's residence (You have a right to keep your residential address confidential.)

☐ _____ Park

☐ nơi cư ngụ của đương đơn (Quý vị có quyền giữ kín địa chỉ chỗ ở của quý vị.)

☐ _____ Park (tên Công Viên)

☐ other: _____

☐ khác: _____

Protection from Firearms and Other Dangerous Weapons

Xin bảo vệ khỏi các Súng Đạn và Các Loại Vũ Khí Nguy Hiểm khác

¹⁹ ☐ **Require** the respondent to surrender all firearms, other dangerous weapons, and any concealed pistol licenses, and prohibit the respondent from accessing, obtaining, or possessing firearms, other dangerous weapons, or concealed pistol licenses.

¹⁹ ☐ **Đòi buộc** bị đơn phải giao nộp bất cứ các súng đạn hay loại vũ khí nguy hiểm nào, và bất cứ giấy phép nào mang súng lục dấu kín, và cấm chỉ bị đơn không được mua hay sở hữu súng đạn, hay vũ khí nguy hiểm nào khác, hoặc giấy phép mang súng lục dấu kín.

Notice: If you **are** the respondent's intimate partner, after actual notice and an opportunity to be heard at the hearing, the court may be required to order the respondent to surrender firearms, other dangerous weapons, or concealed pistol licenses.

Lưu ý: Nếu quý vị **là** cặp đôi tình cảm của bị đơn, sau khi có giấy báo và cơ hội được trình bày tại phiên tòa, tòa có thể ra lệnh bị đơn phải giao nộp các súng đạn, các vũ khí nguy hiểm nào khác, hay giấy phép mang súng lục dấu kín.

I want emergency temporary protection effective immediately, that lasts (up to 14 days) until the court hearing:

Tôi muốn xin lệnh bảo vệ tạm thời khẩn cấp có hiệu lực lập tức. Lệnh này có hiệu lực (tối đa 14 ngày) cho tới khi có phiên tòa:

- ☐ An emergency exists as described below. I request that a **Temporary Order for Protection** granting the relief requested above in 1) through 12) be issued immediately, without prior notice to the respondent, to be effective until the hearing.
- ☐ Trường hợp khẩn cấp hiện hữu được mô tả dưới đây. Tôi yêu cầu rằng một **Án Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời** nhằm giải thoát qua lời yêu cầu ở các đoạn 1 tới 12 trên đây được cấp phát ngay lập tức, mà không cần thông báo trước cho bị đơn, có hiệu lực cho tới khi có phiên tòa.
- ☐ I also request temporary surrender all firearms, other dangerous weapons, and any concealed pistol licenses without notice to the other party because irreparable injury could result if an order is not issued until the hearing.
- ☐ Tôi cũng yêu cầu lệnh giao nộp tạm thời súng đạn hay vũ khí nguy hiểm mà không cần giấy báo cho thành phần bên kia bởi vì sự thương tích không thể hàn gắn có thể xảy ra nếu án lệnh không được ban hành cho tới khi có phiên tòa.

What irreparable harm would result if an order is not issued immediately without prior notice to the respondent?

Đâu là sự phung phí không thể phục hồi do kết quả của án lệnh không được ban hành ngay lập tức không cần phải thông báo trước cho bị đơn?

Request for Special Assistance from Law Enforcement Agencies:

Yêu Cầu Trợ Giúp Đặc Biệt bởi những Cơ Quan Công Lực

I request the court order the appropriate law enforcement agency to assist me in obtaining:

Tôi yêu cầu tòa ra lệnh cơ quan công lực thích nghi trợ giúp tôi để được:

☐ Possession of my residence. ☐ Possession of the vehicle designated above.

☐ Sự sở hữu của nhà của tôi. ☐ Sự sở hữu của chiếc xe chỉ định ở trên.

☐ Possession of my essential personal belongings at ☐ the shared residence

☐ respondent's residence

☐ Sự sở hữu của những vật dụng cá nhân cần thiết của tôi ở ☐ nhà ở chung

☐ nhà của bị đơn

☐ other location _____.

☐ địa điểm khác _____.

☐ Custody of ☐ the minors named in paragraph 5 above ☐ these minors only (if applicable):

☐ Sự trông giữ ☐ những trẻ vị thành niên được nêu tên trong đoạn 5 ở trên ☐ (chỉ những trẻ vị thành niên này mà thôi) (nếu thích hợp):

Describe any violence or threats towards children: _____
Mô tả sự bạo hành hay hăm dọa với những trẻ vị thành niên: _____

Describe any stalking behavior by respondent, including use of telephonic, audiovisual or electronic means to harass or monitor: _____
Mô tả các hành vi rình rập của bị đơn, kể cả việc sử dụng các dụng cụ điện thoại, hình ảnh hay các phương tiện điện tử để sách nhiễu hay theo dõi kiểm soát: _____

Describe medical treatment you received and for what: _____
Mô tả việc điều trị y tế cho quý vị và cho những gì: _____

Describe any threats of suicide or suicidal behavior by the respondent: _____
Mô tả những sự hăm dọa tự tử hay hành vi có tính cách tự tử bởi bị đơn: _____

Does the respondent own or possess firearms? ☐ Yes ☐ No
Bị đơn có hay có là chủ của súng ống không? ☐ Có ☐ Không

Does the respondent use firearms, weapons or objects to threaten or harm you? Please describe:

Bị đơn có dùng súng, vũ khí hay những đồ vật để hăm dọa hay hãm hại quý vị không? Xin mô tả:

Has the respondent used, displayed, or threatened to use a firearm or other dangerous weapon in a felony? Please describe:

Bị đơn có sử dụng, hoặc phô bày, hay đe dọa sử dụng súng đạn hay vũ khí nguy hiểm theo tội đại hình? Xin mô tả:

Is the respondent ineligible to possess a firearm under the provisions of RCW 9.41.040? Please describe:

Bị đơn có mất quyền mang súng đạn qui định theo điều khoản RCW 9.41.040 không? Xin mô tả:

Does possession of a firearm or other dangerous weapon by the respondent present a serious and imminent threat to public health or safety, or to the health or safety of any individual?

Please describe:

Việc bị đơn có súng đạn hay vũ khí nguy hiểm nào khác đưa tới tình trạng khẩn trương hay sắp xảy ra sự đe dọa tới sức khỏe hay sự an toàn cho quần chúng, hoặc ảnh hưởng tới sức khỏe hay sự an toàn cho cá nhân không? Xin mô tả:

If you are requesting that the protection order lasts longer than one year, describe the reasons why:

Nếu quý vị yêu cầu án lệnh bảo vệ có hiệu lực trên một năm, xin ghi lý do tại sao:

Other: _____
Khác: _____

_____.

(Continue on separate page if necessary.)
(Tiếp tục ở trang khác nếu cần.)

Check box if substance abuse is involved: ☐ alcohol ☐ drugs ☐ other

Đánh vào khung nếu có việc sử dụng chất gây nghiện: ☐ rượu ☐ ma túy ☐ thứ khác

☐ Personal service cannot be made upon respondent within the state of Washington.

☐ Sự tổng đạt cá nhân cho bị đơn không thể thực hiện được nội trong tiểu bang Washington.

I declare under penalty of perjury under the laws of the state of Washington that the foregoing is true and correct.

Tôi tuyên bố dưới hình phạt khai man theo luật pháp Tiểu Bang Washington rằng những điều ghi ở trên là đúng sự thật và chính xác.

Dated: _____ at _____, Washington.

Ngày: _____ tại _____, Washington.

Signature of Petitioner
Chữ ký của Đương Đơn

You have a right to keep your residential address confidential. If you have one, please provide an address, other than your residence, where you may receive legal documents: _____

Quý vị có quyền giữ kín địa chỉ chỗ ở của quý vị. Nếu có, xin cung cấp một địa chỉ khác với nhà của quý vị, mà ở đó quý vị có thể nhận những giấy tờ pháp lý: _____

_____.